

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 224/2022/DS-PT
Ngày 16 – 8 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út
Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:142/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn D1, sinh năm 1949 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1963 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Rạch Ruộng C, xã K, huyện T, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Văn N, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Ánh Sáng - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Huỳnh Văn D1 trình bày:*

Khoảng tháng 02/2020 âm lịch, ông và ông Lê Văn H có thỏa thuận với nhau hùn vốn mua cừ tràm để bán lại cho người khác. Ông là người trực tiếp đi bán, khi bán về thì bà Nguyễn Thị D2 (vợ ông H) là người ghi sổ sách, ông H chịu trách nhiệm thu tiền.

Đến tháng 10/2020 âm lịch, đối chiếu quyết toán: Tổng doanh thu là 346.500.000 đồng, tổng chi phí là 392.580.000 đồng, thua lỗ 46.080.000 đồng.

Sau khi đối chiếu quyết toán, ông D1 kiểm tra lại sổ sách phát hiện ông H ghi không đúng, tỷ lệ xuất cừ tràm bán và thu về không khớp, cụ thể như sau:

Số cây, số tiền ông H kê khai vào sổ thu thiếu một phần:

Ngày 11/02/2020 al, bán 400 cây nóng 5, giá bán 40.000 đồng/cây bằng 16.000.000 đồng; 400 cây cừ 4 giá bán 10.000 đồng/cây bằng 4.000.000 đồng; 30 cây cừ 5-2, giá 20.000 đồng/cây bằng 600.000 đồng. Khi ông H thu tiền và kê khai vào sổ thu thiếu 100 cây nóng 5, 50 cây cừ 4, số tiền bằng 4.500.000 đồng.

Ngày 15/02/2020 al, bán 400 cây cừ 4, giá bán 10.000 đồng/cây bằng 4.000.000 đồng; 500 cây cừ 5-1, giá bán 30.000 đồng/cây bằng 15.000.000 đồng. Khi ông H thu tiền và kê khai vào sổ thu thiếu 100 cây cừ 5-1, số tiền bằng 3.000.000 đồng.

Ngày 17/02/2020 al, bán 550 cây cừ 4 (loại lớn), giá bán 22.000 đồng/cây bằng 12.100.000 đồng. Khi ông H thu tiền và kê khai vào sổ thu thiếu 30 cây, số tiền bằng 660.000 đồng.

Ngày 21/02/2020 al, bán 400 cây nóng 5, giá bán 40.000 đồng/cây bằng 16.000.000 đồng; 200 cây cừ 5-1, giá bán 30.000 đồng/cây bằng 6.000.000 đồng. Khi ông H thu tiền và kê khai vào sổ thu thiếu 50 cây nóng 5, 50 cây cừ 5-1, số tiền bằng 3.500.000 đồng.

Các ngày bán về bà D2 có ghi lại số cây đã bán.

Số cây, số tiền ông H kê khai vào sổ thu thiếu toàn bộ:

Ngày 02/02/2020 al, bán 1.000 cây cừ 4, giá 10.000 đồng/cây bằng 10.000.000 đồng; 350 cây cừ 5-1, giá 30.000 đồng/cây, bằng 10.500.000 đồng. Tổng số tiền bằng 20.500.000 đồng. Số cây này ông giao cho người mua ở ấp Rạch Bần, xã Phong Lạc, nhưng không nhớ tên. Khi bán về bà D2 có ghi lại số cây đã bán.

Ngày 06/02/2020 al, bán 400 cây cừ 5-1, giá 30.000 đồng/cây bằng 12.000.000 đồng; 300 cây cừ 5-2, giá 20.000 đồng/cây bằng 6.000.000 đồng. Tổng số tiền bằng 18.000.000 đồng. Số cây này ông giao cho người mua ở đâu thì ông không nhớ tên và địa chỉ. Khi bán về bà D2 có ghi lại số cây đã bán.

Ngày 10/3/2020 al, bán 600 cây cừ 3, giá 6.000 đồng/cây bằng 3.600.000 đồng; 900 cây cừ 4, giá 10.000 đồng/cây bằng 9.000.000 đồng. Tổng số tiền bằng 12.600.000 đồng. Sổ cây này ông giao cho người mua tên Phú ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, ông Phú có ký tên và ghi số lượng cây. Khi xuất cây cũng như bán hết cây về không có ghi sổ theo dõi.

Ngày 27/3/2020 al, bán 993 cây cừ 3, giá 6.000 đồng/cây; 300 cây cừ 4, giá 10.000 đồng/cây; tổng số tiền bằng 8.958.000 đồng. Sổ cây này ông giao cho người mua tên Phú ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, ông Phú có ký tên và ghi số lượng cây. Khi xuất cây cũng như bán hết cây về không có ghi sổ theo dõi.

Ngày 02/4/2020 al, bán 1.336 cây cừ 3, giá 6.000 đồng/cây bằng 8.016.000 đồng. Sổ cây này ông giao cho người mua tên Phú ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, ông Phú có ký tên và ghi số lượng cây. Khi xuất cây cũng như bán hết cây về không có ghi sổ theo dõi.

Ngày 13/02/2020 al, bán 800 cây cừ 4, giá 10.000 đồng/cây bằng 8.000.000 đồng. Sổ cây này ông giao cho người mua tên Thi ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, ông Thi có ký tên và ghi số lượng cây. Khi xuất cây cũng như bán hết cây về không có ghi sổ theo dõi.

Ngày 14/3/2020 al, bán 50 cây cừ 4, giá 10.000 đồng/cây bằng 500.000 đồng. Sổ cây này ông giao cho người mua tên Huỳnh Văn Y ở khóm 8, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, ông là người ghi số lượng cây. Khi xuất cây cũng như bán hết cây về không có ghi sổ theo dõi.

Ngày 13/3/2020 al, bán 920 cây cừ 4 (loại lớn), giá 22.000 đồng/cây bằng 20.240.000 đồng. Sổ cây này ông giao cho ông Long là nhân viên của thầu Bảo Khang (thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình), ông Long có ký tên và ghi số lượng cây. Khi xuất cây cũng như bán hết cây về không có ghi sổ theo dõi.

Ngày 29/3/2020 al, ông bán 200 cây cừ 4 (loại lớn), giá 20.000 đồng/cây bằng 4.000.000 đồng. Sổ cây này ông giao cho ông Đỗ Thành Phục là nhân viên của thầu Bảo Khang (thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình), ông Phục có ký tên và ghi số lượng cây. Khi xuất cây cũng như bán hết cây về không có ghi sổ theo dõi.

Sổ cây ông D1 bán và thu tiền, ông H và bà D2 chỉ trừ ngang vào vốn mà không kê vào sổ thu để tính tổng doanh thu. Khi xuất cây có đếm số lượng cây, bán hết cây về ông có báo số tiền bán cho ông H, bà D2 ghi sổ theo dõi của ông H, bà D2, ông không có giữ sổ chỉ giữ biên nhận của những người mua cây, cụ thể như sau:

Ngày 26/02/2020 al, bán cho bà Loan ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời 1228m thẻ, giá 3.000 đồng/m, bằng 3.684.000 đồng. Bà Loan có ghi biên nhận số lượng cây và ký tên.

Ngày 27/3/2020 al, bán cho bà Loan ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời 1450 cây róng, giá 5.000 đồng/cây, bằng 7.250.000 đồng. Bà Loan có ghi biên nhận số lượng cây.

Ngày 25/4/2020 al, bán cho bà Loan ở thị trấn Sông Đốc huyện Trần Văn Thời 3.067m thẻ, giá 3.000 đồng/m, bằng 9.201.000 đồng; 22 cây nóng, giá 45.000 đồng/cây, bằng 990.000 đồng. Bà Loan có ghi biên nhận số lượng cây.

Ngày 29/4/2020 al, bán cho bà D2 ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời 200 cây cừ 4, giá 14.000 đồng/cây, bằng 2.800.000 đồng. Bà D2 có ghi biên nhận số lượng cây và ký tên.

Khoảng tháng 3 năm 2020 al, bán cho ông Hai Thất ở ấp Rạch Ruộng A, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời 50 cây cừ 5, giá 32.000 đồng/cây, bằng 1.600.000 đồng.

Ngày 29/4/2020 al, bán 200 cây cừ 4, giá 13.000 đồng/cây, bằng 2.600.000 đồng, không nhớ tên và địa chỉ người mua.

Ngày 20/3/2020 al, bán cho Nguyễn Tấn Phong ở ấp Rạch Ruộng A, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời 80 cây cừ 4, giá 15.000 đồng/cây, bằng 1.200.000 đồng. Ông Phong có viết biên nhận số lượng cây và ký tên.

Ngày 24/4/2020 al, bán cho ông Huỳnh Phương ở ấp Rạch Bào, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời 200 cây cừ 4, giá 15.000 đồng/cây, bằng 3.000.000 đồng. Ông Phương có viết biên nhận và ký tên.

Số cây bán do ông thu tiền, đã kê khai vào sổ thu nhưng ông H, bà D2 chỉ trừ vào vốn gốc của ông, không cộng vào doanh thu:

Ngày 12/3/2020, bán cho ông Tám Tới ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời 200 cây cừ 5, giá 34.000 đồng/cây bằng 6.800.000 đồng; 500 cây cừ 4, giá 13.000 đồng/cây bằng 6.500.000 đồng; 13 cây nóng 5, giá 45.000 đồng/cây bằng 585.000 đồng; tổng số tiền bằng 13.885.000 đồng. Ông Tới có ghi và ký biên nhận số lượng cây và số tiền mua cây.

Ngoài ra, ngày 13/3/2020 do đốn cây không kịp nên ông xuất tiền đi U Minh mua 920 cây cừ nóng 2, giá 16.000 đồng/cây bằng 14.720.000 đồng, về bán được 20.240.000 đồng, ông H đã thu tiền không kê vào sổ thu.

Tổng số tiền thất thoát là 178.924.000 đồng. Ông yêu cầu chia số tiền $\frac{1}{2}$ là 89.462.000 đồng và tiền vốn bỏ ra đi U Minh mua 920 cây nóng 2 là 14.720.000 đồng.

Ông D1 xác định khi bán cây về ông có báo với ông H thì bà D2 có ghi sổ theo dõi bán cây các ngày 25 tháng giêng, 02/02, 04/02, 06/02, 11/02, 13/02, 15/02, 17/02, 18/02, 21/02, 28/3 (BL90-91-92). Việc ông H đi thu tiền bán cây có biên nhận hay không thì ông không biết.

Ông xác định lại số tiền ông ký biên nhận thiếu ông H 85.000.000 đồng là tiền ông đi thu tiền bán cây và số tiền ông mượn của ông H, ông ký biên nhận khoảng tháng 4/2020 âm lịch.

- Theo ông Lê Văn H trình bày:

Việc ông với ông D1 thỏa thuận về mua bán cừ tràm là có, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm hợp đồng. Việc ông D1 cho rằng ông D1 có đưa

cho ông 80.000.000 đồng để mua cù tràm và số tiền ông D1 tự bỏ ra đi U Minh mua cù tràm 14.720.000 đồng, ông đi gom tiền số tiền 20.240.000 đồng là không có. Số tiền mua cù tràm tổng cộng là 230.000.000 đồng do ông bỏ ra mua. Sau khi quyết toán thì lỗ, ông D1 thiếu lại ông 18.500.000 đồng.

Khi mua cù tràm từ rừng tràm của các hộ dân về bãi không có kiểm đếm số lượng cây bao nhiêu. Khi xuất bãi cù đi bán thì ông và ông D1 cùng nhau kiểm đếm từng loại cây, giá từng cây, hai bên thỏa thuận xong mới đi bán, ông có ghi sổ theo dõi, không có ông D1 ký tên xác nhận. Ông D1 là người đi bán, ông là người đi gom tiền, việc gom tiền hai bên không có làm biên nhận tiền.

Ông không nhớ ông gom tiền ông D1 bán tràm của ai và số tiền cụ thể từng người là bao nhiêu. Đối với trình bày của ông D1 là không đúng, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D1. Việc vợ ông ghi vào sổ ông D1 theo dõi việc bán tràm mà phía ông D1 cung cấp ông không nắm rõ. Ông xác định chi phí mua bán cây cũng như doanh thu hai bên đã quyết toán vào tháng 10/2020, hai bên thống nhất không tranh chấp.

- Theo bà Nguyễn Thị D2 trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của ông H. Bà D2 xác định bà có ghi sổ theo dõi các ngày 25 tháng giêng, 02/02, 04/02, 06/02, 11/02, 13/02, 15/02, 17/02, 18/02, 21/02, 28/3 (BL90-91-92) do ông D1 cung cấp cho Tòa án, nhưng không phải là số lượng cây bà ghi theo dõi hai bên hợp tác mua bán cây mà bà chỉ ghi sang sổ dùm ông D1. Lúc đó không nhớ thời gian nào, ông D1 có đưa bà 02 cuốn sổ nhờ bà sang sổ dùm, vì lúc này ông D1 có hợp tác mua bán cây với người khác.

- Theo bà Nguyễn Thị C trình bày:

Thống nhất lời trình bày của ông D1, không có ý kiến khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Huỳnh Văn D1 với ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị D2. Buộc ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị D2 trả cho ông Huỳnh Văn D1 số tiền 86.702.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D1 với ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị D2 trả số tiền 17.480.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/6/2022, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2 có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư Nuôi phát biểu: Vào tháng 02/2020 giữa ông H và ông D1 có thỏa thuận hợp tác mua bán cừ tràm, việc hợp tác chỉ giữa ông H với ông D1, không liên quan đến bà D2. Số tiền chi phí mua tràm 230.000.000 đồng là do ông H bỏ ra, khi xuất tràm đi bán cũng không có phiếu xuất. Đến tháng 10/2020, hai bên đã đối chiếu quyết toán, bị lỗ với số tiền 37.000.000 đồng, chia ra mỗi người phải chịu 18.500.000 đồng. Việc bà D2 ghi sổ của ông D1 là sao chép lại dùm ông D1. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào trình bày của những người được xác minh và việc bà D2 ghi sổ để chấp nhận yêu cầu của ông D1 là không có căn cứ. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D1.

Ông H, bà D2 không có ý kiến tranh luận.

Ông D1 phát biểu: Ý kiến phát biểu tranh luận của Luật sư Nuôi là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, ông D1 và ông H đều thừa nhận khoảng tháng 02/2020 âm lịch các bên có thỏa thuận hợp tác với nhau để mua bán cừ tràm. Việc hợp tác chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Theo ông D1 xác định ông D1 và ông H hùn vốn mua cừ tràm sau đó đi bán lại cho người khác, ông D1 là người trực tiếp đi bán, khi bán hết cây về thì bà D2 (vợ ông H) là người ghi sổ sách, ông H chịu trách nhiệm thu tiền. Đến tháng 10/2020 âm lịch, hai bên đối chiếu quyết toán, số tiền bị thua lỗ là 46.080.000 đồng. Sau khi đối chiếu quyết toán xong ông D1 phát hiện ông H ghi sổ theo dõi không đầy đủ tổng số tiền thất thoát 178.924.000 đồng và số tiền ông D1 xuất ra mua tràm 14.720.000 đồng bán được 20.240.000 đồng, ông H thu và không kê vào sổ thu. Ông D1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền trên bằng 89.462.000 đồng và số tiền ông D1 xuất ra mua tràm 14.720.000 đồng. Ông H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông D1.

[2] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại các tài liệu do ông D1 cung cấp việc bà D2 ghi sổ theo dõi số lượng cừ tràm sau khi ông D1 đi bán về báo lại cho ông H và bà D2 biết, bà D2 ghi theo dõi thể hiện: Ngày 02/02/2020, số lượng 1.000 cây cừ 4, 350 cây cừ 5-1, tổng số tiền 20.500.000 đồng; ngày 06/02/2020, số lượng 400 cây cừ 5-1, 300 cây cừ 5-2, tổng số tiền 18.000.000 đồng, ông H không kê khai thiếu toàn bộ; ngày

11/02/2020, số lượng 400 cây nóng 5, 400 cây cừ 4, 30 cây cừ 5-2, ông H kê khai thiếu 100 cây nóng 5, 50 cây cừ 4, số tiền 4.500.000 đồng; ngày 15/02/2020, số lượng 400 cây cừ 4, 500 cây cừ 5-1, ông H kê khai thiếu 100 cây cừ 5-1, số tiền 3.000.000 đồng; ngày 17/02/2020, số lượng 550 cây cừ 4, ông H kê khai thiếu 30 cây cừ 4, tổng số tiền 660.000 đồng; ngày 21/02/2020, số lượng 400 cây nóng 5, 200 cây cừ 5-1, ông H kê khai thiếu 50 cây cừ 5-1, số tiền 3.500.000 đồng. Theo ông H cho rằng việc bà D2 ghi vào sổ theo dõi của ông D1 như thế nào ông không biết. Đối với bà D2 cho rằng việc bà D2 ghi sổ theo dõi của ông D1 không phải số lượng cây mà hai bên hợp tác mua bán mà bà D2 chỉ ghi sang sổ dùm ông D1 vì lúc này ông D1 có hợp tác làm ăn với người khác. Tại phiên tòa, bà D2 trình bày do khi ông D1 đi bán về trời tối và sổ bị ướt nên nhờ bà D2 ghi sang sổ lại dùm. Xét lời trình bày của bà D2 là không có căn cứ thuyết phục, bởi lẽ: Ông D1 không thừa nhận có việc nhờ bà D2 ghi sang sổ lại dùm như bà D2 trình bày, bà D2 cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh; hơn nữa, không thể có việc trùng hợp rất nhiều lần ông D1 đi bán về trời tối và sổ bị ướt mà phải nhờ bà D2 ghi sang sổ lại dùm. Mặt khác, theo sổ theo dõi ông D1 cung cấp thì bà D2 đã ghi theo dõi bán cừ tràm các ngày 25 tháng giêng bán được 100 cây cừ 5-1, 200 cây cừ 5 và 600 cây cừ 4; ngày 04 tháng 02 bán được 300 cây cừ 5-1, 120 cây cừ 5; ngày 13 tháng 2 bán được 450 cây cừ 5-1, phù hợp với sổ theo dõi do ông H ghi số lượng cừ tràm đã bán. Như vậy, có đủ căn cứ xác định số lượng cừ tràm do bà D2 ghi theo dõi các ngày 02/02/2020, ngày 06/02/2020, ngày 11/02/2020, 15/02/2020, 17/02/2020 và ngày 21/02/2020 phía ông H để ngoài sổ sách như ông D1 trình bày là có căn cứ; số tiền ông H, bà D2 để ngoài sổ sách là 50.160.000 đồng.

[2.2] Đối với các ngày bán cừ tràm ông D1 xác định: Ngày 10/3/2020, bán cho ông Nguyễn Hưng Phú số lượng 600 cây cừ 3, 900 cây cừ 4, số tiền 12.600.000 đồng; ngày 27/3/2020, bán cho ông Nguyễn Hưng Phú 993 cây cừ 3, 300 cây cừ 4, số tiền 8.958.000 đồng; ngày 02/4/2020, bán cho ông Nguyễn Hưng Phú 1.336 cây cừ 3, số tiền 8.016.000 đồng; ngày 13/02/2020, bán cho ông Võ Văn Thi 800 cây cừ 4, số tiền 8.000.000 đồng; ngày 14/3/2020, bán cho ông Huỳnh Văn Y 50 cây cừ 4, số tiền 500.000 đồng; ngày 13/3/2020, bán cho Công ty Bảo Khang, 920 cây cừ 4, số tiền 20.240.000 đồng; ngày 29/3/2020, bán cho Công ty Bảo Khang 200 cây cừ 4, số tiền 4.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh ông Phú, ông Thi, Công ty Bảo Khang, ông Nguyễn Văn Hải (là em của ông Huỳnh Văn Y), ông Đỗ Thành Phục (nhân viên Công ty Bảo Khang) xác định các ông có hợp tác mua bán cừ tràm với ông H, ông H và bà D2 là người nhận tiền. Tuy nhiên đối chiếu với sổ theo dõi do ông H ghi theo dõi số lượng cừ tràm đã bán thì không thể hiện các khoản này. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh số lượng cừ tràm đã bán nêu trên ông H, bà D2 để ngoài sổ sách như ông D1 trình bày; số tiền ông H, bà D2 để ngoài sổ sách là 62.314.000 đồng.

[2.3] Đối với số tiền ông D1 bán cừ tràm vào các ngày 26/02/2020, ngày 27/3/2020, ngày 25/4/2020, ngày 29/4/2020, tháng 3/2020, ngày 29/4/2020, ngày 20/3/2020, ngày 24/4/2020, tổng số tiền 46.210.000 đồng do ông D1 thu. Ông D1 giữ số tiền này và mượn thêm tiền của ông H, nên ông D1 ký biên nhận nợ ông H số tiền 85.000.000 đồng. Ông H cho rằng số tiền ông D1 thu 46.210.000 đồng ông

đã ghi sổ đầy đủ và đã quyết toán xong, nhưng ông H không có chứng cứ gì chứng minh số tiền này ông H đã đưa vào doanh thu quyết toán. Như vậy, việc ông D1 xác định số tiền 46.210.000 đồng do ông thu, ông H không ghi sổ và chưa đưa vào doanh thu quyết toán là có căn cứ.

[2.4] Đối với số lượng cừ tràm bán cho Công ty Bảo Khang ngày 13/3/2020 âm lịch, do ông D1 xuất tiền ra mua với số tiền là 14.720.000 đồng, ông H thừa nhận. Ông H cho rằng số tiền bán được 20.240.000 đồng ông H đã trả vốn lại cho ông D1 14.720.000 đồng và số tiền lời nhuận hai bên đã chia xong, nhưng ông D1 không thừa nhận, ông H cũng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận trình bày của ông H.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cũng xác định trong đối chiếu quyết toán vào tháng 10/2020 không có các khoản như ông D1 đặt ra nêu trên.

[2.6] Như vậy, có cơ sở xác định số tiền ông H không đưa vào doanh thu quyết toán là 158.684.000 đồng, trong đó bao gồm số tiền lợi nhuận là 143.864.000 đồng và có số tiền vốn ông D1 xuất ra mua tràm ở U Minh là 14.720.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông D1, buộc ông H và bà D2 trả cho ông D1 $\frac{1}{2}$ số tiền lợi nhuận bằng 71.982.000 đồng và số tiền vốn đã xuất ra 14.720.000 đồng, tổng cộng bằng 86.702.000 đồng là có căn cứ.

[2.7] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm ông H và bà D2 phải chịu theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D1.

Buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2 trả cho ông Huỳnh Văn D1 số tiền 86.702.000 đồng (Tám mươi sáu triệu bảy trăm lẻ hai ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D1 với số tiền là 17.480.000 đồng.

Kể từ ngày ông D1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông H và bà D2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn D1 được miễn chịu án phí, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2 phải chịu 4.335.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D2 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 08/6/2022, ông H và bà D2 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004932 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập